

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/DS-ST

Ngày: 16-6-2020

Về việc Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Hồng Nga;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1954; thường trú: Số 602, quốc lộ 1K (số cũ 82B/13), khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; cùng địa chỉ: Số 113B/14, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1953; thường trú: Số 602, quốc lộ 1K (số cũ 82B/13), khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2020, bản tự khai ngày 10/6/2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị P là hàng xóm của bà Nguyễn Thị N nên bà N có cho vợ chồng bà P vay 190.000.000đ vào ngày 28/3/2016, lãi suất 3%/tháng. Hai bên có lập giấy vay tiền, theo thỏa thuận vợ chồng bà P có trách nhiệm trả nợ gốc vào tháng 6/2017. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà N nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà P trả nợ nhưng vợ chồng bà P mới trả được 50.000.000đ và còn nợ lại 140.000.000đ. Khoản tiền cho vay là tài sản chung giữa bà với ông Lê Văn T. Việc bà cho vợ chồng bà P vay, ông T cũng biết và không có ý kiến gì.

Nay, bà N yêu cầu vợ chồng bà P có nghĩa vụ trả nợ gốc 140.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị P:* Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

- *Tại bản tự khai ngày 28/5/2020, bị đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày:* Ngày 28/3/2020, vợ chồng ông vay của bà Nguyễn Thị N 190.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn trả nợ vào tháng 6/2017. Hàng tháng, vợ chồng ông đều đóng tiền lãi cho bà N, đến hạn trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả nợ gốc. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý. Ông không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày:*

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị N. Số tiền 190.00.000đ bà N cho vợ chồng bà P vay, ông biết và không có ý kiến gì vì đây là tài sản chung của vợ chồng ông. Nay bà N khởi kiện, ông thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Ngọc A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét chứng cứ là “giấy vay tiền” ngày 28/3/2016 thấy rằng: Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Ngọc A đều thừa nhận việc ông A và bà P có vay của bà N số tiền 190.000.000đ, hai bên có lập giấy vay tiền, vợ chồng bị đơn đã ký vào giấy vay tiền. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 140.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 28/3/2016. Trong thời gian vay, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ gốc nhưng bị đơn chỉ trả được 50.000.000đ, sau đó không trả nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết về yêu cầu của nguyên đơn đồng thời yêu cầu bị đơn có ý kiến và cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Ngày 28/5/2020, một trong các bị đơn là ông Nguyễn Ngọc A có bản tự khai gửi cho Tòa án thừa nhận việc vợ chồng ông có vay của bà N 190.000.000đ thể hiện bằng giấy vay tiền ngày 28/3/2016. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý. Đối với bà Nguyễn Thị P không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của ông A là chồng của bà P có đủ cơ sở xác định vợ chồng bị đơn vay của nguyên đơn 190.000.000đ và hiện nay còn nợ 140.000.000đ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về lãi: Xét thấy “Giấy vay tiền” ngày 28/3/2016 là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Quá trình tố tụng, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, không yêu cầu trả lãi nên Tòa án không xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị P về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N khoản nợ phát sinh từ giấy vay tiền ngày 28/3/2016 là 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày 17/6/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị P phải chịu 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố D;
- CCTHA dân sự thành phố D;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Đỗ Thị Liễn

